

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 04-3-2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông C Nhật Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Cảnh;

Bà Từ Thị Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Duy C, sinh năm 1994, địa chỉ: số 43, đường Xc2, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lý Hương L, sinh năm 1991; quốc tịch: Việt Nam; địa chỉ: Bakenweg - 6/ 26506 Norden, Đức; hộ chiếu số: N1945687, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2024, nguyên đơn ông Trần Duy C trình bày:

Ông Trần Duy C và bà Lý Hương L quen nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 23/4/2018 tại Đại sứ quán Việt Nam ở Cộng hòa liên bang Đức theo Giấy chứng nhận kết hôn số 081/KH. Sau hơn 02 năm chung sống, ông C và bà L thường xuyên xảy ra những bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp, mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, hạnh phúc đổ vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được và dẫn đến không thể hàn gắn nên đã ly thân từ đầu năm 2020. Nay, ông C nộp đơn ly hôn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà L.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 13/01/2025, bà Lý Hương L trình bày: về quan hệ hôn nhân, bà L thống nhất như lời trình bày của ông C về quá trình kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Trước yêu cầu khởi kiện của ông C, bà L đồng ý ly hôn với ông C. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà L có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân giữa ông Trần Duy C và bà Lý Hương L là hợp pháp. Từ khi kết hôn, ông C và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, dù đã tìm mọi biện pháp hàn gắn nhưng vẫn không được, tình cảm vợ chồng cũng phai nhạt, không còn yêu thương nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông C là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Duy C khởi kiện Bà Lý Hương L về việc ly hôn nên quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn”. ông C hiện đang cư trú tại số 43, đường XC2, khu phố 3, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Bà L đang sống và làm việc tại số Bakenweg - 6/26506 Norden, Đức. Do đó, theo quy định tại các Điều 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình và các Điều 28, 37, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Ông C và bà L có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều: 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ông Trần Duy C và bà Lý Hương L là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam ở Cộng hòa liên bang Đức theo Giấy chứng nhận kết hôn số 081/KH ngày 23/4/2018. Hôn nhân của ông C và bà L là hợp pháp.

Ông C và Bà L thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp, mâu thuẫn vợ chồng gay gắt, hạnh phúc đổ vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được và dẫn đến không thể hàn gắn nên đã ly thân từ đầu năm 2020. Nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài vì quyền lợi chung của hai bên

nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C đối với bà L theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông C và bà L thống nhất không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Duy C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 19, 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ các Điều: 28, 37, 40, 147, 153, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy C đối với bà Lý Hương L về việc "Tranh chấp ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Duy C được ly hôn với bà Lý Hương L.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Duy C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003568, ngày 06/12/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Duy C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bà Lý Hương L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.